

CÂU HỎI ĐUÔI (TAG QUESTION)

Biên soạn: **Hoàng Việt Hưng**
 Page: **English - Trick Master**
 Group: **Hội những người quyết tâm đạt điểm 8 môn tiếng Anh thi Đại học.**

* Câu hỏi Đuôi là câu hỏi có dạng:

S + V + O, TRỢ ĐỘNG TỪ + ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG?

vd:

- He is smart, ISN'T HE?

(Nó thông minh phải không ?)

- Your children don't like animals, DO THEY?

(Con mày không thích động vật phải không ?)

=> Mục đích của câu hỏi đuôi là để tìm sự đồng thuận của người nghe hoặc để nhấn mạnh ý của câu. Tuy nhiên chúng ta chưa cần quan tâm đến cách dùng.

I. PHẦN CƠ BẢN

1. CHUẨN BỊ

A. Biết được TRỢ ĐỘNG TỪ và DẠNG PHỦ ĐỊNH CỦA CHÚNG của các THÌ và các CẤU TRÚC ĐẶC BIỆT (ĐỘNG TỪ KHIÊM KHUYẾT).

=> các TRỢ ĐỘNG TỪ bao gồm:

- **do/ does/ don't/ doesn't** (Hiện Tại Đơn)
- **is/are/aren't/ isn't** (Hiện Tại Đơn, Hiện Tại Tiếp Diễn)
- **did/ didn't** (Quá Khứ Đơn)
- **have/ has/ haven't/ hasn't** (Hiện Tại Hoàn Thành, HTHT Tiếp Diễn)
- **was/ were/ wasn't/ weren't** (Quá Khứ Đơn, QK Tiếp Diễn)
- **will/ won't** (các thì Tương Lai)
- **had/ hadn't** (Quá Khứ Hoàn Thành)
- **can/ could/should/ can't/ couldn't/ should't/ may**
(đây là các Khiếm Khuyết thông dụng cho loại này)

B. Chuyển Danh từ về ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG (I/ we/ you/ they/ he/ she/ it).

=> Bình thường Chủ ngữ của câu là 7 Đại từ này thì không cần chuyển.

Vd: - **HE** was tired, wasn't **HE**?

Nhưng khi Chủ ngữ là 1 Danh từ thì ta phải đổi:

- **THE GIRL** didn't come there, did **SHE**?

- **My FATHER** has gone out, hasn't **HE**?

* Đổi như sau

- người nam => **he**
- người nữ => **she**
- danh từ số ít chỉ vật => **it**
- danh từ số nhiều => **they**
- I + and + đối tượng khác => **we**
- you + and + đối tượng khác => **you**

2. CÁCH ĐẶT CÂU HỎI ĐUÔI

A. Câu Khẳng Định => Trợ Động Từ Ở Dạng Phủ Định + Đại Từ Nhân Xưng

- The students **HATE** studying, **DON'T THEY**?

- You **WILL COME** back, **WON'T YOU**?

B. Câu Phủ Định => Trợ Động Từ Ở Dạng Khẳng Định + Đại Từ Nhân Xưng

- The women **HAVEN'T UNDERSTOOD** the problem, **HAVE THEY**?

- She **DIDN'T WORK** yesterday, **DID SHE**?

II. PHẦN NÂNG CAO

- Phần này đã **LOẠI BỎ** một vài dạng rất hiếm khi gặp và thi sẽ hiếm khi vào - nếu như bạn em thấy ở tài liệu khác có các phần anh chưa nêu ra ở đây thì có nghĩa anh khuyên bạn em **KHÔNG NÊN** học chúng !

-

1. Câu KHẲNG ĐỊNH có các từ mang ý PHỦ ĐỊNH được tính là CÂU PHỦ ĐỊNH <=> Câu hỏi Đuôi ở dạng KHẲNG ĐỊNH

- | | |
|---------------------------------|------------------------------------|
| - never (không bao giờ) | - scarcely (hiếm khi) |
| - hardly (hầu như không) | - seldom (hiếm khi) |
| - rarely (hiếm khi) | - little (ít khi, hiếm khi) |

Vd: - He **NEVER GETS** up early, **DOES HE?**
(nó không bao giờ dậy sớm phải không ?)

2. I AM.... dạng Khẳng định => dùng AREN'T I? ở câu hỏi đuôi.

Vd: - I am right, **AREN'T I?**

* Nếu I AM ở dạng PHỦ ĐỊNH thì vẫn dùng AM ở cuối câu:

Vd: - I am not wrong, **AM I?**

3. LET'S => SHALL WE

* LET'S = LET US: chúng ta hãy

Vd: - LET'S come back home, **SHALL WE?**
(chúng ta sẽ về nhà chứ ?)

4. EVERYONE/ EVERYBODY (tất cả mọi người), SOMEONE/ SOMEBODY (một ai đó) => dùng THEY làm chủ ngữ cuối câu => dùng TRỢ ĐỘNG TỪ cho hợp lý.

- **EVERYONE** came there, didn't **THEY?**

- **EVERYBODY** is happy, **AREN'T THEY?**

5. NO ONE/ NOBODY => được coi là câu PHỦ ĐỊNH và dùng THEY làm chủ ngữ cuối câu => dùng TRỢ ĐỘNG TỪ cho hợp lý.

- NO ONE is perfect, ARE THEY?

- NOBODY wants to go, DO THEY?

6. NOTHING => được coi là câu PHỦ ĐỊNH và dùng IT làm chủ ngữ cuối câu.

Vd: - NOTHING has become worse, HAS IT?

7. CÂU MỆNH LỆNH – có ĐỘNG TỪ NGUYÊN THỂ ĐÚNG ĐẦU CÂU => dùng WILL YOU?

Vd: - FINISH your homework now, WILL YOU?

(có vài trường hợp có WON'T YOU nhưng hiếm gặp)

8. THERE + BE (có gì đó) => dùng THERE làm chủ ngữ Đuôi.

Vd: - THERE is a apple on the table, ISN'T THERE?

9. I THINK/ I BELIEVE..... (tôi nghĩ/ tôi tin...) + S + V + O => câu hỏi đuôi được tính cho vế S + V + O.

Vd:

- I THINK SHE DIDN'T ACCEPT his invitation, DID SHE?

- I THINK YOU HAVE LOST all your money, HAVEN'T YOU?

* Chú ý: Đề ngoài có vài câu có dạng: "I DON'T THINK he is good, _____?" - và gây rối loạn, nhưng đề chính thức Chuẩn sẽ không bắt phân biệt nên có thể BỎ những câu như vậy.

10. Chủ ngữ là THAT/ THIS => Chủ ngữ Đuôi dùng IT nếu là Vật, dùng HE/SHE nếu là Người. (THESE/ THOSE => dùng THEY).

Vd: - THAT is a good book, isn't IT?

- THIS is your son, isn't HE?

11. MUST

- Dạng này rất lỏng lẻo nhưng chúng ta chỉ xét những cái phổ biến và hay gặp thôi.

Loại 1: chỉ sự cần thiết hoặc cảm đoán

MUST (phải) => NEEDN'T

MUSTN'T (không được) => MUST

Vd:

- We must go now, NEEDN'T we?
(Chúng ta phải đi bây giờ phải không?)

- They must not enter the house, MUST they?
(họ không được vào nhà phải không?)

Loại 2: chỉ sự dự đoán ở mức chính xác cao – thường là MUST BE: “chắc hẳn là, chắc hẳn là phải” – dùng cho HIỆN TẠI.

=> dùng IS/ ARE (tùy chủ ngữ) làm trợ động từ cuối câu.

Vd:

- She must be sad now, ISN'T she?
(Bây giờ cô ấy chắc hẳn đang buồn phải không?)

- They must be spies, AREN'T they?
(Chúng chắc hẳn là gián điệp phải không?)

(MẸO: cứ có MUST BE thì nó thuộc loại này)

LOẠI 3: MUST HAVE DONE (chắc hẳn là đã làm gì) => dùng HAVE/ HAVEN'T, HAS/ HASN'T làm trợ động từ

(có thể có vụ gặp DID/ DIDN'T – nhưng không phải CHUẨN)

Vd:

- He must have seen something, HASN'T he?
(Nó chắc hẳn là đã nhìn thấy gì đó phải đó)

BÀI TẬP

Bài 1: Một số câu hỏi Đuôi trong đề Đại học chính thức:

1. People don't like the way he shows off, _____?
A. does he B. do they C. don't they D. doesn't he
2. There has been a great increase in retail sales, _____?
A. hasn't there B. isn't there C. isn't it D. doesn't it
3. Canned food is not as healthy as fresh food, _____?
A. isn't it B. doesn't it C. is it D. does it
4. "Buy me a newspaper on your way back, _____?"
A. will you B. don't you C. can't you D. do you

Bài 2: Viết Câu hỏi Đuôi dạng Cơ Bản.

1. He will return soon, _____?
2. Her dog didn't eat sausages, _____?
3. His aunt hadn't gone before, _____?
4. You are feeling tired, _____?
5. The actress accepted the role, _____?
6. The cat shouldn't leave home, _____?
7. The elephants weren't destroying the city, _____?
8. That guy usually plays tricks on others, _____?
9. Tom and Jerry could lift it, _____?
10. My uncle cut down the tree, _____?

Bài 3: Viết Câu hỏi Đuôi dạng Nâng Cao.

1. I'm supreme of all reality, _____?
2. There are many girls here, _____?
3. I think they failed to reach the top, _____?
4. The men never killed children, _____?
5. Wash the dishes, _____?
6. The actress must take that role, _____?
7. Let's drink wine, _____?
8. Everyone was disappointed, _____?
9. Your aunt must be happy with the gift, _____?
10. That wasn't my fault, _____?
11. My uncle hardly gets up late, _____?
12. The islands must be very beautiful, _____?
13. I am not cowardly, _____?
14. No one likes the girl, _____?
15. Nothing wrong has happened, _____?